

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 4 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường
2. Bà Dương Thị Sáu

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Huỳnh Thị K, sinh năm: 1990

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* anh Hà Minh H, sinh năm: 1991

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(chị K có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị K trình bày:

Do quen biết nên chị và anh Hà Minh H đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có tổ chức cưới hỏi, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B vào ngày 07/8/2012.

Sau khi cưới vợ chồng sống gia đình anh H. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H có

quan hệ với người phụ nữ khác, chị bỏ nhà đi và có nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn về, cho anh H cơ hội sửa chữa. Sống chung đến năm 2018 thì anh H nghỉ làm, vay nợ một số người, việc anh H sử dụng tiền đó để làm gì chị không biết, từ đó xảy ra cãi vã, xô xát. Từ tháng 12/2018 vợ chồng không còn sống chung với nhau, chị thuê nhà trọ sống. Từ đó đến nay vợ chồng cũng có gặp nhau, anh H cũng có yêu cầu chị về nhà sống chung nhưng chị không đồng ý. Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Hà Trọng Kh, sinh ngày: 24/3/2013 và Hà Thị Thiên Ph, sinh ngày: 16/7/2014, hiện nay đang sống với anh H. Về con chung tại Biên bản hòa giải ngày 22/3/2019 chị K trình bày sau khi ly hôn chị đồng ý để anh H tiếp tục nuôi con, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu, mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị K trình bày do anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Hà Minh H: qua lời trình bày của chị Huỳnh Thị K về thời gian, điều kiện kết hôn anh thống nhất. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình anh. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng nhưng chị K thường xuyên đi chơi, bỏ bê 2 con nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Từ 02 tháng nay chị K thuê nhà trọ sống, anh cũng nhiều lần đến nói chị K về sống chung nhưng chị K không đồng ý. Nay chị K yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: thống nhất theo lời trình bày của chị K. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Lan Chi – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn mặc dù đã được tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị K là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hà Trọng Kh, sinh ngày: 24/3/2013 và Hà Thị Thiên Ph, sinh ngày: 16/7/2014 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng nuôi con: chị Huỳnh Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

Chứng cứ mà các bên cung cấp trong vụ án là: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của Hà Trọng Kh và Hà Thị Thiên Ph; Bản sao sổ hộ khẩu và CMND của chị K, anh H.

Nội dung các bên thống nhất: Thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Nội dung các bên không thống nhất: Chị K yêu cầu ly hôn, anh H không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Huỳnh Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hà Minh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn anh Hà Minh H: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H nhưng anh H vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị K, thấy rằng: chị K và anh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/8/2012 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Theo chị K nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác và thường xuyên vay nợ, không chăm lo làm ăn, không phụ giúp kinh tế gia đình, chị có khuyên nhủ nhưng anh H không sửa đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh H trình bày cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng nhưng chị K thường xuyên đi chơi, bỏ bê 2 con nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Anh chị đã không còn sống chung với nhau từ tháng 12/2018 đến nay. Nay cảm thấy cuộc sống chung không thể tiếp tục nên chị yêu cầu ly hôn. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị K là có cơ sở chấp nhận vì trong quá trình chung sống chị K và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, hiện tại hai người đã không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Vào năm 2017 chị K từng nộp đơn ly hôn với anh H nhưng sau đó rút đơn về cho anh H có cơ hội sửa chữa. Về phía anh H, từ khi chị K nộp đơn khởi kiện đến nay, mặc dù anh H có ý muốn hàn gắn lại hạnh phúc nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà các bên trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là phù hợp.

[3] Về con chung: chị K và anh H có 02 con chung tên Hà Trọng Kh, sinh ngày: 24/3/2013 và Hà Thị Thiên Ph, sinh ngày: 16/7/2014 hiện đang sống với anh H. Sau khi ly hôn, chị K đồng ý để anh H được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh H trình bày trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con chung. Do đó căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Khang và cháu Phúc cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: anh H không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị K trình bày do anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị không cấp dưỡng nuôi con. Do đó chị Huỳnh Thị K không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị K, anh H trình bày thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị K về việc "Ly hôn" với anh Hà Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị K được ly hôn với anh Hà Minh H.

2. Về con chung: anh Hà Minh H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Hà Trọng Kh, sinh ngày: 24/3/2013 và Hà Thị Thiên Ph, sinh ngày: 16/7/2014. Chị Huỳnh Thị K không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị K chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai số 0007475 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, chị Huỳnh Thị K đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THA huyện Bến Lức;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm